TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 25-9-2020
V/v tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Trần Minh Thành

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Lê Thị Kim Hồng

2. Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định *tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 232/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn XK, xã HM, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt lần hai không lý do).

Địa chỉ: Thôn XK, xã HM, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và trình bày của nguyên đơn, anh Trương Văn H là: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2013, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM theo đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn XK, xã HM. Trong cuộc sống chung, giữa anh và chị T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Chị T thường hay bỏ nhà đi, để con lại cho anh nuôi, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã không sống chung được một thời gian. Nay anh thấy tình cảm không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: Có một con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2014. Vì con ở với anh từ nhỏ và hiện tại vẫn đang ở với anh nên khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

+ Theo trình bày của bị đơn, chị Nguyễn Thị T là: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn H, anh H được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Giao con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2014 cho anh Trương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Văn H, không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng cho con; về tài sản chung: Không yêu cầu; về nợ chung: Không có; Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trương Văn H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Văn H có mặt, bị đơn, chị Nguyễn Thị T vắng mặt. Đối với việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị T: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử tại Tòa. Việc vắng mặt này của chị T là cố ý. Do đó, chị T phải chịu trách nhiệm về việc vắng mặt, không khai báo của mình theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự còn lại.

[2] Về hôn nhân: Anh Trương Văn H và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM là hôn nhân hợp pháp. Theo anh H, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó, giữa vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, chị T thường bỏ nhà đi, bỏ con cho anh nuôi và không quan tâm đến gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt. Thấy rằng, chị T bỏ mặc hôn nhân giữa hai vợ chồng, không có ý định nỗ lực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh H và chị T đã không sống chung được một thời gian.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã

trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2014. Xét thấy, cháu Bảo từ nhỏ đã sống với anh H và hiện tại vẫn đang sống với anh H nên tiếp tục giao cháu Bảo cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Văn H, không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng cho con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trương Văn H phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn H. Anh Trương Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 18/5/2014 cho anh Trương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

3/ Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Văn H, không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

4/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

5/ Về nợ chung: Không có.

6/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trương Văn H nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Anh Trương Văn H đã nộp đủ 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009811 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30, Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Minh Thành

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Kim Hồng **Nguyễn Hữu Phước** **Trần Minh Thành**